

Số: /BC-UBND

Châu Thành, ngày tháng năm 2023

“Dự thảo”

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HD-BCĐUBND, ngày 03/11/2022 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Sóc Trăng về việc Hướng dẫn thực hiện, đánh giá, công nhận đạt tiêu chí, công nhận đạt chuẩn và thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 40/KH-UBND, ngày 15/3/2022, của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Kế hoạch số 34 /BCĐ-UBND, ngày 17/2/2023, của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023;

Căn cứ đề nghị của UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành, về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã An Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã An Hiệp, UBND huyện Châu Thành báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã An Hiệp, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

1. Về hồ sơ

Hồ sơ xã An Hiệp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gồm có:

- Tờ trình của UBND xã An Hiệp về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã An Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

- Báo cáo của UBND xã An Hiệp về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 của xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới).

- Báo cáo của UBND xã An Hiệp về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2023 trên địa bàn xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Biên bản cuộc họp của Ủy ban nhân dân xã An Hiệp đề nghị xét, công nhận xã An Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

- Báo cáo của UBND xã An Hiệp về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã An Hiệp;

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã An Hiệp.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2020 – 2025, Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết 14/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện, tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, quán

triệt thực hiện các quy định của Trung ương, hướng dẫn của tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến các ngành, các xã trên địa bàn huyện.

Tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định số 318/ QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 30/05/2022 về ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 – 2025.

Hàng năm, Huyện ủy, UBND huyện tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, gắn với khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu; đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp cho những năm tiếp theo, nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

Đối với xã An Hiệp, Đảng ủy - UBND xã An Hiệp đã tổ chức triển khai, quán triệt các Nghị quyết, Chương trình hành động, Kế hoạch chỉ đạo điều hành trong xây dựng nông thôn mới của cấp huyện đến toàn thể cán bộ đảng viên trong toàn Đảng bộ xã; Đồng thời xây dựng chương trình hành động của Đảng ủy, UBND xã xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, quán triệt đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn xã; Đồng thời tổ chức tuyên truyền rộng rãi ra nhân dân trên địa bàn xã thông qua các cuộc họp chi bộ, sinh hoạt các chi tổ hội, họp khu dân cư, tuyên truyền trên Đài truyền thanh của xã.

Hàng năm UBND huyện chỉ đạo, quyết định củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo cấp xã, huyện để điều hành thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện.

3. Về kết quả công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Xã An Hiệp đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 theo Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, đã nâng chất 19/19 tiêu chí đạt theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xác định công tác quy hoạch là tiêu chí đầu tiên, quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới, Ban chỉ đạo xã đã phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Thành, các đơn vị tư vấn và các phòng, ban có liên quan thực hiện rà soát, lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới và đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phê duyệt Số 99a/QĐ-UBND ngày 7/8/2023 của UBND huyện Châu Thành về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời tổ chức công bố, công khai quy hoạch chung nông thôn mới được duyệt tới các ấp, các hộ dân trên địa bàn xã. Thực hiện 01 đề án Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn được phê duyệt tại Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã An Hiệp huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

- Các nội dung đã thực hiện: Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới; tổ chức công bố, công khai quy hoạch; xây dựng quy chế quản lý quy hoạch được duyệt; quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.

- Khối lượng thực hiện:

+ Điều chỉnh Quy hoạch chung được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phê duyệt tại Quyết định số 99a/QĐ-UBND ngày 7/8/2023.

+ Duy trì tốt việc niêm yết các bản vẽ quy hoạch tại các điểm thuận lợi cho người dân quan sát như: Trụ Sở UBND xã, Nhà Văn hóa xã.

+ Công tác thực hiện cấm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo kế hoạch dự kiến đầu tư xây dựng của xã theo quy hoạch: Đang thực hiện.

+ Điều lệ quản lý quy hoạch được lồng ghép vào quy hoạch

+ Có 01 đề án quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn được phê duyệt tại Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND huyện Châu Thành.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 1 về Quy hoạch: Đạt

4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh,...): 100% có các hạng mục cần thiết ($\geq 50\%$ được bảo trì).

- Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100%; Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh,...) và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp: 100% có các hạng mục cần thiết ($\geq 50\%$ đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp).

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa (nếu có) $\geq 90\%$.

- Nâng chất 1: Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Giao thông là một trong những điều kiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển của địa phương, trước khi thực hiện chương trình các tuyến lộ giao thông trục ấp, liên ấp chủ yếu là lộ đal 2m và một số là lộ đất chưa được cứng hóa, gây cản trở tới công tác vận chuyển hàng hóa của người dân. Nhờ sự đầu tư của nhà nước từ các chương trình dự án, sự đồng thuận của người dân được thể hiện qua việc hiến đất, ngày công, hoa màu, vật kiến trúc... cùng với sự giám sát chặt chẽ từ các công đoạn thi công của cộng

đồng dân cư trong khuôn khổ dự án thực hiện theo cơ chế đặt thù, đến nay các tuyến lộ nông thôn trục xã cơ bản đạt 100% và đường trục ấp đạt trên 90%.

- Các nội dung đã thực hiện: nhựa hóa hoặc bê tông hoá 100% tuyến đường trục xã và liên xã, thực hiện đạt chuẩn đường trục ấp, liên ấp. Tiếp tục lập kế hoạch đầu tư nâng cấp mở rộng trong giai đoạn 2021 – 2025 các tuyến đường trên địa bàn xã.

- Khối lượng thực hiện:

+ Đường xã 12.332m /12.332m, đạt 100%, quy mô kết cấu đạt chuẩn đường cấp B, lắp đặt hệ thống biển báo hiệu, đèn chiếu sáng theo quy định.

+ Tuyến đường sáng – xanh – sạch – đẹp: 02 tuyến đường được trồng hoa kiểng phát triển tốt, lề đường được phát quang sạch sẽ; hệ thống đèn chiếu sáng đạt 91,2%, đạt tỷ lệ theo quy định.

- Tiêu chuẩn cây xanh: Có cây xanh trồng dọc theo hai bên đường, không che tầm nhìn giao thông, tỷ lệ 12.332m /12.332m, đạt 100%.

- Quy cách trồng cây: Khoảng cách giữa các cây trồng trên đường đạt trên 10m; trồng ngoài chân mái taluy đường, tỷ lệ 12.332m /12.332m, đạt 100%.

+ Hệ thống tiêu thoát nước: 02 tuyến đường đi qua các điểm dân cư tập trung của xã không có nước đọng trên mặt đường.

+ Công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường huyện đường tỉnh đi qua địa bàn xã, không có các hoạt động lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ.

+ Các tuyến đường từ trung tâm xã đến đường huyện được duy tu, sửa chữa thường xuyên theo kế hoạch.

+ Trên địa bàn xã có 100% đường ấp và đường liên ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm, có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh,...), trong đó tỷ lệ tuyến đường đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, 16.445m/22.131m, đạt tỷ lệ 74,3% ($\geq 50\%$).

+ Đường ấp và đường liên ấp 22.131m/22.131m, đạt 100%, quy mô kết cấu đạt chuẩn đường cấp C, có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh,...) theo quy định.

- Tỷ lệ tuyến đường đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đảm bảo $\geq 50\%$.

- Các tuyến đường áp và đường liên áp được sửa chữa thường xuyên để duy trì ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường 22.131m/22.131m, đạt 100%.

- + Đường ngõ, xóm cứng hóa 10.240m/10.240m, đạt tỷ lệ 100%, quy mô kết cấu đạt chuẩn đường cấp D.

- + Đường ngõ, xóm đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, 9.860m/10.240m, đạt tỷ lệ 96,3%.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 2 về Giao thông: Đạt

4.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên.

- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 50\%$.

- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Toàn xã có 1 tuyến kênh chính chiều dài 5.772 m, còn lại các tuyến kênh nội đồng. Các công trình thủy lợi đều đã bàn giao cho Ban nhân dân ấp tự quản lý, khai thác và sử dụng. Ủy ban nhân dân xã đã thành lập Ban chỉ huy và Đội xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã; hàng năm có xây dựng kế hoạch và kiện toàn thường xuyên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Các nội dung đã thực hiện: nạo vét các tuyến kênh, kiên cố hóa các công trình cống, bọng; Bàn giao các công trình thủy lợi cho Ban nhân dân ấp tự quản

lý, khai thác và sử dụng; Xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, kế hoạch thực hiện công trình Thủy lợi – giao thông nông thôn mùa khô; Ban hành Quy chế quản lý hệ thống thủy lợi; Kiện toàn Ban chỉ huy và Đội xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động, đạt 100%.

+ Các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được giao cho Ban nhân dân ấp quản lý, khai thác. Có THT cơ sở thủy lợi Giồng Chùa A được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP, ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác tham gia quản lý, khai thác các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. Các công trình thủy lợi được Ban nhân dân các ấp, THT, HTX tham gia công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thường xuyên và hiệu quả.

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 50\%$: Việc áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng kết hợp với các biện pháp canh tác tiên tiến trong nông nghiệp được người nông dân của xã An Hiệp thực hiện cơ bản tốt, áp dụng các biện pháp 1 phải 5 giảm, 3 tăng 3 giảm, ước khô xen kẽ..., đã đáp ứng với thực tế canh tác hiện nay đối với sản phẩm chủ lực là cây lúa trên địa bàn xã. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Đối với vụ Đông xuân: 1.585/2.093 ha, đạt 75,73%. Đối với vụ Hè Thu: 1.360/2.075ha, đạt 65,54%.

+ Tất cả công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng do xã quản lý có kế hoạch bảo trì hàng năm, đạt 100%.

+ Hàng năm thực hiện thống kê, cập nhật đầy đủ các nguồn nước thải xả vào từng công trình thủy lợi do xã quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền.

+ Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai của xã sát với tình hình thiên tai tại địa phương và được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thành lập và kiện toàn Ban chỉ huy Phòng,

chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã theo Luật Phòng, chống thiên tai. Có đội xung kích phòng, chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn được tập huấn kiến thức về cứu hộ, cứu nạn và duy trì hoạt động thường xuyên trên địa bàn xã. Đảm bảo các điều kiện để truyền tải và cung cấp thông tin cảnh báo thiên tai kịp thời đến người dân. Có Phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương. Không có các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai: Đạt

4.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq 99\%$.

- Nâng chất 2: Hệ thống điện đạt chuẩn

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Cải tạo chỉnh trang các tuyến hiện có, xây dựng mới tuyến trung thế và hạ thế, đưa điện đến khắp các hộ, vận động người dân đầu nối đồng hồ điện.

- Các nội dung đã thực hiện: Xây dựng mới các tuyến trung thế và hạ thế, triển khai các dự án hỗ trợ điện cho người dân chưa có điện sử dụng và vận động người dân đầu nối đồng hồ điện, kết hợp với dự án hỗ trợ Điện cho đồng bào Khmer.

- Khối lượng thực hiện:

+ Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định.

+ Tổng số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn xã An Hiệp là 4.251/4.235hộ, đạt tỷ lệ $>99\%$.

c. Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 4 về Điện: Đạt

4.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đạt 100% và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và Trung học cơ sở mức độ 3.

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Cộng đồng học tập xã được đánh giá, xếp loại Khá.

- Có ít nhất 01 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

- Nâng chất 11: Tỷ lệ học sinh (áp dụng cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Năm 2018, khi được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới, trên địa bàn xã có 4/4 trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất mức độ 1. Trong những năm qua, được sự quan tâm từ các cấp, các ngành đã huy động, lồng ghép mọi nguồn lực từ các chương trình, dự án khác để đầu tư nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất các điểm trường đạt chuẩn theo quy định.

- Các nội dung đã thực hiện: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các trường có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

- Khối lượng thực hiện:

+ Xã An Hiệp có 06 trường: Trường Mẫu giáo An Hiệp, trường Tiểu học An Hiệp A, trường Tiểu học An Hiệp B, trường Tiểu học An Hiệp C, trường THCS An Hiệp, trường THCS DTNT. Cả 06 trường đều đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất Mức độ 1, tỷ lệ 100%. Riêng trường Mẫu giáo An Hiệp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất Mức độ 2.

+ Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, kết quả:

Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp đạt 212/215 cháu, tỷ lệ 98,6% (Chỉ số quy định ít nhất 95%).

Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 259/263 cháu, tỷ lệ 98,47% (Chỉ số quy định ít nhất 85%).

+ Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và Trung học cơ sở mức độ 3, kết quả:

Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 264/264 học sinh, tỷ lệ 100% (Chỉ số quy định ít nhất 98%).

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 331/363 học sinh, tỷ lệ 91,18% (Chỉ số quy định ít nhất 90%).

Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 850/892 học sinh, tỷ lệ 95,29% (Chỉ số quy định ít nhất 95%).

Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt 796/892 học sinh, tỷ lệ 89,24% (Chỉ số quy định ít nhất 80%).

+ Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, kết quả: Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 11.711/ 12.233 người, tỷ lệ 95,73% (Chỉ số quy định ít nhất 90%).

+ Cộng đồng học tập xã An Hiệp được đánh giá, xếp loại: Tốt (theo Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành).

+ Tất cả các trường trong xã An Hiệp đều có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền, thông qua các câu lạc bộ như: Bóng đá mini, cầu lông, võ cổ truyền, điền kinh, Trường THCS DTNT có xây dựng bể bơi phục vụ cho học sinh xã An Hiệp.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 5 về Trường học: Đạt

4.6. Tiêu chí số 6 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy đúng giá trị quy định.

- Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ áp dụng chuẩn nông thôn mới (áp dụng văn hóa nông thôn mới) năm 2023 $\geq 50\%$.

- Nâng chất 3: Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác xã hội hóa là một trong những nội dung cần thiết, nhằm duy trì và phát huy hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động vui chơi, giải trí thu hút nhân dân trên địa bàn tham gia. Các phong trào của Hội đoàn thể ngày càng được quan tâm, được đoàn viên, hội viên đồng thuận hưởng ứng. Các Nhà văn hóa xã, ấp không chỉ là nơi hội họp mà còn là nơi gặp gỡ, giao lưu văn hóa, văn nghệ của bà con địa phương.

- Các nội dung đã thực hiện: Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Nhà văn hóa có bộ phận vui chơi giải trí trong nhà và ngoài trời, nơi luyện tập sinh hoạt văn nghệ. 7/7 ấp có nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, sân thể thao phục vụ cộng đồng, được trang bị bàn, ghế, tủ, cờ tổ quốc, cờ Đảng, ảnh Bác Hồ, băng khẩu hiệu, nội quy hoạt động, v.v...

- Khối lượng thực hiện:

+ Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên:

- Khu Hội trường Văn hóa đa năng: Diện tích đất quy hoạch: 3.232 m²; Quy mô xây dựng hội trường: 250 chỗ ngồi; Quy mô xây dựng phòng chức năng: 05 phòng.

- Khu thể thao: Diện tích quy hoạch: 2.148 m²; Các công trình thể thao: 01 sân bóng đá mini, 03 sân bi sắt, 01 sân bóng chuyền, 01 hồ bơi, nhà tập đa năng

- Có trang thiết bị, cán bộ, kinh phí hoạt động, hoạt động văn hóa văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao, chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ cho nhà văn hóa – khu thể thao ấp.

- Khu Nhà văn hóa ấp: Diện tích đất quy hoạch: 7/7 ấp có nhà văn hóa diện tích 300 m²; Quy mô xây dựng hội trường: 7/7 ấp có quy mô từ 100 chỗ ngồi.

- Khu thể thao ấp: Diện tích quy hoạch: 7/7 ấp có diện tích 500m²; Các công trình thể thao: sân bóng đá, bóng chuyền, sân bi sắt.

- Trang thiết bị, cán bộ, kinh phí hoạt động, hoạt động văn hóa văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao thu hút nhân dân tham gia.

- Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

- Tổ chức thường xuyên các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao: Tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị: 12 cuộc/năm; tổ chức các cuộc liên hoan, biểu diễn văn nghệ quần chúng: 04 cuộc/năm; duy trì hoạt động thường xuyên 08 câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; thư viện, phòng đọc sách Nhà văn hóa xã: hoạt động tốt. Đối với hoạt động thư viện: cung cấp thông tin mới cho người dân trên địa bàn 3.200 lượt/năm; hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc: hoạt động tốt; thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa: 38,99% tổng số dân tham gia; tổ chức 06 giải thể thao; thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: 38,83% người dân tham gia; thu hút trẻ em tham gia hoạt động văn hóa, thể thao: đạt 30,43% thời gian hoạt động.

- Sử dụng nhà văn hóa xã là điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, có sân bóng chuyền, trang bị bộ dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời, có bố trí nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

+ Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy đúng giá trị quy định: Trên địa bàn xã có 02 cơ sở tôn giáo (chùa Peng Som Ráth,

chùa Kom Pong Tróp), 02 miếu (Miếu Thắc côn, Thiên Hậu thánh mẫu), 02 salaten. Hàng năm vào các ngày lễ, tết dân tộc, bà con Khmer thường tập trung viếng chùa, làm lễ cầu an tại miếu, cầu cho mưa thuận gió hòa, nhân dân sống vui tươi, ấm no, hạnh phúc. Duy tu, tôn tạo sân lễ tổ chức lễ hội Thắc côn, trang bị 13 áo trang phục Khmer cho thành viên Miếu Thắc côn. Kiểm kê 65 di sản văn hóa phi vật thể, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử văn hóa đúng quy định (đạt)

+ Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hóa: Có 7/7 áp được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa, đạt 100% (Quyết định số 84/QĐ-UBND, ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc công nhận danh hiệu Ấp đạt chuẩn văn hoá năm 2022).

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 6 về Văn hóa: Đạt

4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Chợ An Trạch là chợ loại 3 bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm

Ngoài ra có 01 cửa hàng tiện ích, và 01 cửa hàng điện máy xanh.

4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

- Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

- Nâng chất 4: Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

- Nâng chất 5: Xã có đài truyền thanh.

- Nâng chất 6: Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Khuyến khích các hộ dân trong xã có điều kiện đầu tư kinh doanh dịch vụ internet nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin; đưa điểm truy cập Internet đến 7/7 ấp; các hệ thống loa phát thanh được quan tâm đầu tư; máy móc trang thiết bị của cán bộ, công chức xã được kết nối internet và sử dụng hệ thống văn bản quản lý điều hành.

- Các nội dung đã thực hiện: Duy trì điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng nhu cầu của người dân; hệ thống loa hoạt động, phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền của địa phương; trang thiết bị máy móc phục vụ trong công tác quản lý điều hành được đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu.

- Khối lượng thực hiện:

- + Trên địa bàn xã An Hiệp có 01 Bưu cục cấp 3, tại địa chỉ: Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành đang hoạt động và đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, về dịch vụ theo quy định. Bưu cục có bố trí máy tính phục vụ và hỗ trợ cho người dân đến thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

- + Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: có 65% trên toàn dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

- + Có dịch vụ báo chí truyền thông: 100% (7/7) ấp trên địa bàn xã có hệ thống loa truyền thanh hoạt động thường xuyên phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền tại địa phương. 100% (7/7) ấp trong xã có hộ gia đình thu xem được các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet (đa số người dân trên địa bàn xã sử dụng truyền hình số mặt đất và các dịch vụ truyền hình trả tiền qua hệ thống cáp và internet). Trên địa bàn xã có 04

điểm cung cấp xuất bản phẩm tại ấp An Trạch có bán các loại văn phòng phẩm, quà lưu niệm, sách, dụng cụ học sinh.

+ Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới: Trên địa bàn xã An Hiệp, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 50%; cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin 100%; có 55% trên tổng số nhân khẩu trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản. UBND xã An Hiệp có thực hiện mô hình lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới trên các nhóm Zalo Tổ công nghệ số cộng đồng ấp/xã, zalo của UBND xã, chuyên mục lấy ý kiến trên trang thông tin điện tử của huyện.

+ Trên địa bàn xã có 14 hệ thống mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng như: Tại Trụ sở UBND xã An Hiệp, Công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã, Nhà văn hóa xã, Trạm Y tế xã, bưu điện, thư viện xã, trường học.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông: Đạt

4.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt $\geq 80\%$
- Nâng chất 7: không có nhà tạm, nhà dột nát

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Các công trình và nhà ở tại xã An Hiệp chủ yếu trên tuyến đường Quốc Lộ 1A. Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm triển khai thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà cho hộ nghèo và từ các chương trình khác, đến nay trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát.

- Các nội dung đã thực hiện: triển khai thực hiện dự án và xã hội hóa vận động nhà tài trợ hỗ trợ xây dựng nhà cho hộ khó khăn bức xúc và nhà ở.

- Khối lượng thực hiện:

+ Trên địa bàn xã hiện không còn nhà tạm, nhà dột nát.

+ Số lượng nhà ở kiên cố và bán kiên cố của xã là 3.936/4.217 căn nhà, đạt tỷ lệ 93,33%.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: Đạt

4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt ≥ 68 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Tận dụng từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, vốn vay... triển khai thực hiện các mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được tiếp cận các nguồn vốn vay của các Ngân hàng để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh để phát triển kinh tế nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Triển khai thực hiện, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả kinh tế; Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, Ban nhân dân áp tuyên truyền vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tập trung cải tạo vườn tạp, phát triển chăn nuôi, tăng gia sản xuất nhằm góp phần tăng thu nhập cho nông dân. Đẩy mạnh liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm nông nghiệp góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

+ Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm và tuyên truyền vận động người lao động tham gia các lớp đào tạo nghề; phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện và các cơ sở trong và ngoài huyện tổ chức các lớp dạy nghề cho lao động của địa phương;

- Khối lượng thực hiện: Qua kết quả điều tra thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã An Hiệp: 68,42 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt

4.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 của xã đạt <2,5%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo và giao chỉ tiêu đầu năm về đăng ký thoát nghèo, mỗi quý rà soát đánh giá số hộ thoát nghèo trên địa bàn xã. Đồng thời thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo. Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các đối tượng chính sách xã hội, người có công trong các dịp, lễ tết.

- Các nội dung đã thực hiện: Ngân hàng chính sách xã hội đã phát vay cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo vay vốn để đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, nhằm tăng thu nhập thoát nghèo bền vững.

- Khối lượng thực hiện: Qua rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và họp bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo của các ấp trên địa bàn xã An Hiệp, hiện nay tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trên địa bàn xã là 1,45%.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều: Đạt

4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ) đạt $\geq 75\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ) đạt $\geq 30\%$.
- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực (nông, lâm nghiệp và thủy sản) trên địa bàn $\leq 45\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xác định ngành nghề chủ yếu của địa phương nhằm định hướng cho người dân phát triển bền vững, đẩy mạnh đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, khuyến khích, mời gọi đầu tư.

- Các nội dung đã thực hiện: Tổ chức tuyên truyền vận động người lao động tham gia các lớp đào tạo nghề; Phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện và các cơ sở trong và ngoài huyện tổ chức các lớp dạy nghề, tư vấn giới thiệu việc làm tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh cho lao động của địa phương.

- Khối lượng thực hiện: Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 9.008/11.762 lao động, đạt 76,59%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 4.403/11.762 lao động, đạt 37,43%; Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực 3.625/11.312 lao động, đạt 32,04%.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 12 về Lao động: Đạt

4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

- Có ít nhất 01 mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc ít nhất 01 sản phẩm chủ lực của xã.

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử đạt $\geq 10\%$.

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).

- Nâng chất 8: Có sản phẩm chủ lực được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương (≥ 01 sản phẩm chủ lực)

- Nâng chất 9: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.

- Nâng chất 10: Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả (≥ 01 tổ)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Vận động hộ nông dân thực hiện sản xuất theo mô hình kinh tế tập thể. Phối hợp các ngành chuyên môn trong việc tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong đó chú trọng hướng dẫn người dân sản xuất tập trung theo hướng an toàn sinh học. Thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm chủ lực. Thành lập tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn xã.

- Các nội dung đã thực hiện: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động người dân tích cực tham gia vào HTX, THT thực hiện sản xuất tập trung gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để thực hiện chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất nông nghiệp; củng cố hoạt động của HTX và các tổ hợp tác nhằm định hướng cho HTX và các tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả hơn; tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật trồng lúa, màu; thực hiện công nhận sản phẩm OCOP; ban hành Quyết định Công nhận sản phẩm chủ lực; thành lập tổ khuyến nông cộng đồng.

- Khối lượng thực hiện:

+ Trên địa bàn xã An Hiệp, có HTX nông nghiệp An Trạch hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012, có 253 thành viên, tổng vốn điều lệ 560 triệu đồng, diện tích 584 ha, ngành nghề đăng ký hoạt động là sản xuất lúa thom đặc sản, cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ làm đất,... Ngoài ra HTX còn tranh thủ sự hỗ trợ của các ngành chuyên môn, hướng dẫn thành viên áp dụng quy trình sản xuất theo hướng an toàn vệ sinh thực phẩm, liên kết thực hiện dịch vụ vật tư nông nghiệp cho các thành viên....; liên kết với các Công ty/doanh nghiệp, HTX để tiêu thụ lúa cho thành viên, góp phần làm giảm chi phí đầu tư cho sản xuất và đầu ra ổn định mang lại hiệu quả cho thành viên.

+ Xã có 01 sản phẩm được chứng nhận đạt sản phẩm OCOP 3 sao, (Bánh Pía đậu xanh sầu riêng của Doanh nghiệp tư nhân sản xuất Bánh Pía - Lạp xưởng

Lương Trân, tại Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

+ Sản phẩm chủ lực của xã chủ yếu là sản xuất lúa, với diện tích là 2.093 ha, áp dụng các quy trình sản xuất như: 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, theo hướng hữu cơ..., áp dụng cơ giới hóa vào các khâu làm đất 100 %, gieo sạ bằng máy 40 %, tưới tiêu 100 %, thu hoạch 100 % bằng cơ giới hóa. Việc ứng dụng cơ giới hóa trong các khâu đã giúp cho người sản xuất giảm được một phần chi phí và tăng thêm thu nhập trong quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên được các Công ty/Doanh nghiệp liên kết tiêu thụ nông sản ổn định, như liên kết với các đại lý trên địa bàn cung cấp vật tư đầu vào và liên kết với Công ty TNHH XNK Đại Dương Xanh tiêu thụ đầu ra cho người sản xuất.

+ Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực: xã có Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã An Hiệp về việc công nhận sản phẩm chủ lực cấp xã trên địa bàn xã An Hiệp, huyện Châu Thành. Thông tin việc tuân thủ hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn theo mã số, mã vạch: Mã vạch số: 8935147403044; 8938510635097; 8935102641122; 8936016730575; 8938506415030.

+ Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: Sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử là 01 sản phẩm /3 sản phẩm, đạt 33,3%.

+ Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản đảm bảo bền vững. Lúa là một trong những sản phẩm chủ lực của xã. Đây là loại cây trồng chủ lực phù hợp với định hướng tái cơ cấu của huyện và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân. Liên kết bao tiêu sản phẩm được 534ha (3 vụ).

+ Xã có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội và thường xuyên được cập nhật.

+ Trên địa bàn xã áp dụng mô hình sản xuất lúa theo kỹ thuật 3G3T, 1P5G, áp dụng cơ giới hóa vào trong các khâu làm đất, kết hợp sạ cụm, máy cấy, phun thuốc và thu hoạch bằng máy,... Ngoài ra, còn có mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ với diện tích 177 ha góp phần giảm lượng giống, phân bón, thuốc

BVTV. Qua đó, giảm chi phí đầu tư ban đầu, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập và giảm thiểu tác động đối với môi trường.

+ Có sản phẩm chủ lực được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương: Xã có mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ với diện tích 177 ha, và mô hình trồng lúa theo tiêu chuẩn bền vững (SRP),..., áp dụng cơ giới hóa trong các khâu làm đất, bơm tưới, phun thuốc và thu hoạch...có liên kết với các Công ty/doanh nghiệp để cung cấp giống vật tư đầu vào và tiêu thụ lúa thương phẩm.

+ Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường: Do trên địa bàn xã không có làng nghề, làng nghề truyền nên không có Kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch.

+ Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả: ban hành Quyết định số: 154/QĐ-UBND, ngày 22/05/2023 về việc thành lập tổ khuyến nông trên địa bàn xã. Qua đó tổ cũng đã xây dựng quy chế hoạt động phân công thành viên phụ trách từng công việc, địa bàn cụ thể, từng bước phát huy hiệu quả hỗ trợ người dân về việc phòng trị sâu hại trên lúa, màu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt

4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) \geq 95%.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) \geq 90%.

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) \geq 40%.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử \geq 70%.

- Năng chất 12 : Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

- Nâng chất 13 : Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 19\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện : Tuyên truyền vận động nhân dân về quyền và lợi ích của Bảo hiểm y tế cũng như sở khám chữa bệnh điện tử, luật Bảo hiểm y tế, để mọi người hiểu biết cùng tham gia.

- Các nội dung đã thực hiện: Triển khai thực hiện cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế cho các đối tượng như : Hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách, người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi, người dân tộc thiểu số, v.v... ; duy trì và khuyến khích người dân tham gia các hình thức bảo hiểm; bồi dưỡng kiến thức, phương pháp tiếp cận tuyên truyền cho mạng lưới cán bộ dân số xã, ấp; vận động các cặp vợ chồng trong diện tuổi sinh để áp dụng các biện pháp tránh thai; thực hiện tốt công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; vận động nhân dân ăn chín, uống sôi, vệ sinh nơi ở đảm bảo trong lành; bảo vệ môi trường trong sản xuất và khu vực dân cư; đảm bảo thuốc thiết yếu để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân và duy trì vườn thuốc nam mẫu; thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia trên địa bàn; phát huy và duy trì hiệu quả các nội dung 10 chuẩn Quốc gia về y tế; quy hoạch đào tạo cán bộ về chuyên môn, đặc biệt là bác sĩ và cán bộ tổ y tế. Vận động nhân dân tham gia cài đặt sở khám chữa bệnh điện tử.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 16.055/16.875 đạt 95,14%

+ Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe: 15.544/16.875 đạt 91,72%

+ Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám, chữa bệnh từ xa: 6.976/16.875 đạt 41,34%.

+ Tỷ lệ dân số có sở khám chữa bệnh điện tử: 13.333/16.875 đạt 79,01%

+ Xã An Hiệp đạt tiêu chí Quốc gia về y tế theo Quyết định số 2078/QĐ-UBND, ngày 11/8/2022 và tiếp tục duy trì thực hiện tốt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) 229/1.329 chiếm tỷ lệ 17,23%.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 14 về Y tế: Đạt

4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.
- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công khai và niêm yết các thủ tục hành chính đồng thời cũng niêm yết về thu phí, lệ phí trên các lĩnh vực theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, hình thức công khai tại Ủy ban nhân dân xã, nội dung công khai là cho mọi người dân biết rõ về các loại thủ tục, mức thu phí, lệ phí để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân; không để xảy ra tố cáo, khiếu nại vượt cấp.

- Các nội dung đã thực hiện: Đầu tư trang thiết bị làm việc như bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy photo,... Bổ sung, hoàn thiện các quy chế làm việc trong bộ máy UBND xã, đặc biệt nâng cao trách nhiệm của cán bộ công chức trong giải quyết thủ tục hồ sơ của công dân.

- Khối lượng thực hiện:

+ Hạ tầng phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và hội nghị trực tuyến của xã với các cấp: mạng internet cáp quang, mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng nội bộ; máy tính cài các phần mềm phục vụ quản lý điều hành, giải quyết TTHC, hội nghị truyền hình; các thiết bị ngoại vi như máy in, máy quét, camera,...đảm bảo đáp ứng theo quy định.

+ Hệ thống Một cửa điện tử xã hoạt động hiệu quả, đảm bảo các mục tiêu hàng năm của tỉnh đối với cấp xã.

+ Người dân, doanh nghiệp hài lòng về giải quyết TTHC đạt 99%.

+ Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp xã. Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực đạt tối thiểu 35% (tăng dần mỗi năm 20%)

đề đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Do chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể về việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp xã, vì vậy chưa triển khai thực hiện nội dung này.

+ Điện tử hóa việc giám sát, đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính làm cơ sở đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức công khai, minh bạch, hiệu quả. Do chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể về việc điện tử hóa việc giám sát, đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, vì vậy chưa triển khai thực hiện nội dung này.

+ Có triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với các dịch vụ công có yêu cầu riêng về kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; các dịch vụ công trong các quy định của Bộ ngành Trung ương; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên đối với các dịch vụ công trong Danh mục dịch vụ công đủ điều kiện thực hiện trực tuyến mức độ 4 của UBND tỉnh.

+ Có hồ sơ phát sinh trực tuyến và xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công trực tuyến cung cấp từ mức độ 3 trở lên. Do các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã chưa có trang thiết bị để thực hiện dịch vụ công trực tuyến, cũng như hạn chế về trình độ công nghệ thông tin. Vì vậy, chưa phát sinh hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện bằng hình thức trực tuyến, đa số người dân đều đến UBND xã để nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại bộ phận một cửa của xã. Tuy nhiên, hầu hết hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc dịch vụ công mức độ 3, 4 đều được cán bộ, công chức bộ phận một cửa xã nhập lên hệ thống một cửa điện tử xã để theo dõi và xử lý bằng hình thức trực tuyến.

+ Các dịch vụ công trực tuyến có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và cung cấp từ mức độ 4 đều có triển khai thanh toán trực tuyến

+ Xã An Hiệp, huyện Châu Thành đã cập nhật, niêm yết, công khai đầy đủ các thủ tục hành chính còn hiệu lực áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (gọi tắt là Bộ phận Một cửa) của đơn vị; thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về quy định hành chính và niêm yết, công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

+ Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa theo quy định, theo kết quả báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân xã An Hiệp trong năm 2021 đến quý II năm 2023, đơn vị đã tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính kịp thời đúng quy định pháp luật, chưa có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định trong giải quyết thủ tục hành chính. Đối với 03 hồ sơ quá hạn năm 2022 và 03 hồ sơ quá hạn năm 2023, trong đó: 03 hồ sơ thuộc lĩnh vực Hộ tịch, 02 hồ sơ lĩnh vực Chứng thực và 01 hồ sơ liên thông do bị lỗi kỹ thuật và không xử lý kịp thời trên Hệ thống dẫn đến hồ sơ trễ hạn, đơn vị đã có văn bản xin lỗi người dân và hẹn lại ngày trả kết quả theo quy định.

+ Về công tác đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, qua kết quả tự đánh giá của Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, kết quả đánh giá, theo dõi và tổng hợp của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, đơn vị đều đạt kết quả xếp loại tốt trở lên, trong năm 2022 và quý I năm 2023 đạt kết quả xếp loại xuất sắc.

+ Đối với nhiệm vụ triển khai thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, do nhiệm vụ này chưa được Sở Thông tin và Truyền thông (đơn vị theo dõi, phụ trách) hướng dẫn, tập huấn và tổ chức triển khai thực hiện số hóa đến cán bộ, công chức tham gia công tác tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính, đơn vị chưa có cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện. Ngoài ra, thanh toán trực tuyến chưa được hướng dẫn triển khai ở cấp xã nên một số nội dung thuộc Nhóm chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến cũng chưa đảm bảo theo Bộ chỉ số phục vụ người dân doanh nghiệp tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 15 về Hành chính công: Đạt

4.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có ít nhất 01 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$

- Nâng chất 19: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Thường xuyên phối hợp với Tòa án nhân dân cấp huyện, Hội Luật gia cấp huyện, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên.

- Các nội dung đã thực hiện: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đến cán bộ, công chức xã, cán bộ ấp và nhân dân trên địa bàn xã, xây dựng mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở.

- Khối lượng thực hiện

+ Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận; 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật hòa giải ở cơ sở. Thường xuyên phối hợp với Tòa án nhân dân cấp huyện, Hội Luật gia cấp huyện, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hình này.

+ Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành: đạt 91,89 %.

+ Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: đạt 100%.

+ Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật: Đạt

4.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt $\geq 95\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt $\geq 35\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt $\geq 50\%$.

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt $\geq 80\%$.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt $\geq 85\%$.

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt $\geq 10\%$.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4m^2$ / người.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt $\geq 70\%$

- Nâng chất 14: Cảnh quan, không gian xanh – sạch – đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

- Nâng chất 15: Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh... đăng ký và cam kết đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, vận động người dân thực hiện thu gom, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp; phát động phong trào thi đua về thực hiện tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu; vận động người dân thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn...

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Xã đã có kế hoạch phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể xã vận động người dân tham gia xử lý rác thải tại nhà, không vứt rác xuống kênh rạch; phối hợp các ngành có liên quan chọn tuyến đường trọng điểm, tổ chức thực hiện thu gom chất thải và hỗ trợ mô hình phân loại rác thải tại hộ gia đình cho người dân tiếp tục được nhân rộng trên địa bàn xã. 100% cơ sở thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải (nước thải, khí thải chất thải rắn) và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường.

+ Hằng năm, xã đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương; triển khai và phối hợp với các ngành có liên quan trồng cây xanh (gồm cây bóng mát, cây cảnh, hoa, v.v...) dọc theo các tuyến lộ, các điểm trường, khu trung tâm xã và nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp. Việc trồng cây phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và đảm bảo không ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng. Phát động phong trào thi đua trong từng ấp về thực hiện tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu; tuyên truyền sâu rộng trong dân về an toàn và vệ sinh thực phẩm bằng nhiều hình thức như phát thanh, tờ bướm, tuyên truyền miệng...

+ Tuyên truyền về việc mai táng, hỏa táng phải đảm bảo vệ sinh môi trường; không để xảy ra ô nhiễm môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng trên địa bàn xã.

+ Hàng năm, xã đều có xây dựng phương án thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn, trong đó có nêu rõ: đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển; chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển; cách thức phân loại; tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư. Bên cạnh đó, xã còn phối hợp với Trung tâm Dịch

vụ nông nghiệp, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; không để tình trạng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng các sản phẩm này sau khi sử dụng hoặc phụ phẩm nông nghiệp bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường, đặc biệt là tại các khu vực trồng trọt, các nguồn nước sông, kênh, rạch,... Các phụ phẩm nông nghiệp đa số được người dân tái sử dụng (bao tiêu rơm cuộn) hoặc thu gom xử lý theo quy định, không có hiện tượng đốt ngoài đồng ruộng hoặc vứt bừa bãi nơi công cộng, cản trở giao thông. Chất thải rắn y tế định kỳ hàng tuần được Trạm Y tế xã phân loại, thu gom và xử lý theo quy định.

+ Hộ gia đình, cá nhân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đều cam kết thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường và quy định của địa phương về quản lý chất thải rắn, nước thải.

- Khối lượng thực hiện:

+ Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản.

+ Trên địa bàn xã có 120 cơ sở sản xuất - kinh doanh, các cơ sở này đều lập thủ tục môi trường và có biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định, đạt 100%. Trên địa bàn xã không có cơ sở nuôi trồng thủy sản, làng nghề.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã khoảng 2,36 tấn/ngày, trong đó khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã được thu gom, xử lý khoảng 2,287 tấn/ngày, đạt 96,9%. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và vận chuyển về bãi rác tập trung huyện Châu Thành tại ấp Trà Quýt B, xã Thuận Hoà để xử lý với tần suất 01 ngày/lần để xử lý, trong đó có 4.086 hộ đăng ký thu gom rác và các hộ còn lại cam kết tự xử lý theo quy định; Đối với chất thải rắn không nguy hại: Bao gồm chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải xây dựng, chất thải phụ phẩm với khối lượng phát sinh khoảng 0,59 tấn/ngày, trong đó, khối lượng chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định khoảng 0,562 tấn/ngày, đạt 95,25%.

+ Trên địa bàn xã có 1.526 hộ/4.217 hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả, đạt 36,2%.

+ Trên địa bàn xã có 2.534 hộ/4.217 hộ thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, đạt 60,1%. Ủy ban nhân dân xã An Hiệp phối hợp với Hội Nông dân xã tuyên truyền cách thức phân loại rác.

+ Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh và trong sinh hoạt của hộ gia đình, tổ chức trên địa bàn xã khoảng 0,059 tấn/ngày (khoảng 21,55 tấn/năm), được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định..

+ Trên địa bàn xã có 01 Trang trại chăn nuôi gà đạt chuẩn theo quy định về môi trường, đã thực hiện phương pháp thu gom ủ phân gà để nuôi cá và bón cho cây trồng; có 200/200 hộ gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hình thức nông hộ đã đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, các hộ nuôi đều thực hiện thu gom chất thải và tuân thủ các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, có phương án xử lý và sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho gia súc trong chăn nuôi đảm bảo phù hợp với từng đối tượng vật nuôi (như hệ thống xử lý chất thải Biogas, ủ phân bón cây hay nuôi cá, ủ rơm làm thức ăn cho bò,...). Đánh giá kết quả đạt trên 90%.

+ Hiện trên địa bàn xã An Hiệp, huyện Châu Thành có 01 Trang trại chăn nuôi đạt chuẩn theo quy định về môi trường và có 200/200 hộ gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hình thức nông hộ đã đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đa phần các hộ nuôi đều đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, có phương án sử dụng chất thải trong chăn nuôi đảm bảo phù hợp với từng đối tượng vật nuôi (như hệ thống xử lý chất thải Biogas, ủ phân bón cây hay nuôi cá). Đánh giá kết quả đạt tiêu chí 17.8 trên 90% (theo quy định $\geq 85\%$). Chuồng, trại chăn nuôi đảm bảo tách biệt với nơi ở của người và nguồn nước. Ngoài ra, cơ sở chăn nuôi đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật Chăn nuôi và Luật Bảo vệ môi trường.

+ Có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài cho xã (tại ấp Bung Tróp B, diện tích 01ha; có 02 lò hỏa táng tại Chùa Bung Tróp A thuộc ấp Bung Tróp A và tại chùa Peng Som Rach tại ấp Giồng Chùa A (có hàng rào xung quanh, có trồng cây xanh trong khuôn viên, có thực hiện thu gom rác, không ảnh hưởng đến dân cư xung quanh); có thực hiện công tác tuyên truyền về việc mai táng, hỏa táng phải đảm bảo vệ sinh môi trường; không để xảy ra ô nhiễm môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng trên địa bàn xã.

+ Trên địa bàn xã An Hiệp từ 01/01/2021 đến thời điểm lập hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.10 có số người tử vong được hỏa táng là 126/362 người tử vong, đạt tỷ lệ 34,81%.

+ Khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn xã khoảng 188,8 kg/ngày. Khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định khoảng 140,28 kg/ngày, đạt tỷ lệ 74,3%.

+ Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:

- Hiện nay trên địa bàn xã có tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu được công nhận là tuyến bờ đê kênh Xáng có trồng cây xanh dọc theo hai bên tuyến đường và có đèn chiếu sáng vào ban đêm toàn tuyến với tổng chiều dài là 2.200m.

- Có 4.186/4.217 hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào, đạt tỷ lệ 99,26%.

- Xã An Hiệp định kỳ thực hiện các hoạt động thiết thực như trồng cây xanh, trồng hoa, cải tạo, chăm sóc cây xanh trên các tuyến đường, tổ chức các hoạt động phát quang cây cối, bụi rậm, nạo vét kênh mương,...

- Ủy ban nhân dân xã An Hiệp ban hành Quyết định số 07A/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 về việc ban hành quy chế giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng, giữ gìn môi trường chung trên địa bàn xã An Hiệp. Kế hoạch số 03A/KH-UBND ngày 09/01/2023 về việc ra quân vệ sinh môi trường định kỳ trên địa bàn xã An Hiệp.

+ Khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh trên địa bàn xã khoảng 1,37 kg/ngày (khoảng 0,5 tấn/năm) và được thu gom vào bể chứa, số lượng bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn xã là 50 bể. Trên địa bàn xã có 01 Trạm Y tế, chất thải rắn y tế phát sinh khoảng 0,986 kg/ngày (khoảng 0,36 tấn/năm), chất thải y tế nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 17 về Môi trường: Đạt

4.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 55\%$
- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ ngày đêm ≥ 70 lít
- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 60\%$
- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%
- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã
- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%
- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt $\geq 80\%$
- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hệ thống nước sạch được đầu tư xây dựng hàng năm, tận dụng các chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án để lắp đặt đồng hồ nước cho hộ nghèo, hộ cận nghèo,... vận động người dân tham gia mô hình “5 không 3 sạch”; tuyên truyền sâu rộng trong dân về an toàn và vệ sinh thực phẩm bằng nhiều hình thức như phát thanh, tờ bướm, tuyên truyền miệng, v.v...
- Các nội dung đã thực hiện:
 - + Đầu tư xây dựng hệ thống nước sạch
 - + Vận động hộ gia đình, cá nhân và các cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm trên địa bàn huyện trên địa bàn đều cam kết thực hiện đúng các quy định về an toàn thực phẩm.
 - + Vận động người dân tham gia thực hiện cuộc vận động “5 không 3 sạch”.
- Khối lượng thực hiện:

+ Trên địa bàn xã hiện có 3.576/ tổng số 4.371 hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung, đạt tỷ lệ 81,81% hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

+ Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã đạt 100 lít/người/ngày đêm.

+ Trên địa bàn xã hiện có 02 công trình cấp nước tập trung do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Sóc Trăng quản lý, vận hành khai thác hoạt động bền vững, đạt tỷ lệ 100%.

+ Có kế hoạch tập huấn hoặc phương pháp triển khai việc tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho 105/105 cơ sở chiếm tỷ lệ 100%; Có danh sách cơ sở đã được tập huấn hoặc cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm... do chủ cơ sở tự tổ chức cập nhật và chịu trách nhiệm và thực hiện theo đúng quy định sở, ngành có liên quan.

+ Có Kế hoạch phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch, chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan triển khai thực hiện tại địa bàn; Có tổ chức giám sát, kiểm tra; kế hoạch thực hiện 06 tháng, năm và báo cáo kết quả thực hiện

+ Có 100% cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh: 3.985/4.235 hộ, đạt 94%.

+ Tỷ lệ hộ có thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 4.035/4.235 hộ, đạt 95%.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: 3.997/4.235 hộ, đạt 94%

+ Tỷ lệ hộ đảm bảo tiêu chí 03 sạch: 3.974/4.235 hộ, đạt 94%.

+ Trên địa bàn xã An Hiệp không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống: Đạt

4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Chỉ đạo lực lượng Công an, Quân sự nắm chặt tình hình địa bàn, ngăn chặn kịp thời những tệ nạn xã hội, đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong toàn dân, giữ vững an ninh chính trị tại địa bàn; giải quyết 100% đơn thư từ cơ sở theo thẩm quyền; không để khiếu kiện vượt cấp, đông người.

- Các nội dung đã thực hiện:

- + Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, kiện toàn lực lượng dự bị động viên; đảm bảo đủ quân số, thời gian huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên; vận động thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ đăng ký và chấp hành luật nghĩa vụ quân sự theo quy định.

- + Chỉ đạo lực lượng Công an kết hợp chặt chẽ với lực lượng quần chúng, nắm chặt tình hình địa bàn, ngăn chặn kịp thời những tệ nạn xã hội. Đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong toàn dân, giữ vững an ninh chính trị tại địa bàn.

- Khối lượng thực hiện:

- + Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công nhân nhập ngũ năm 2023, kết quả giao quân về trên 19/16 quân, vượt chỉ tiêu huyện giao.

- + Hằng năm, Đảng ủy có ra Nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; trên địa bàn không xảy ra trọng án, các vụ án hình sự về tội phạm, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước; xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an

toàn về an ninh, trật tự; lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh.

c) Đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh: Đạt

4.20. Nâng chất tiêu chí Hệ thống chính trị

a) Yêu cầu của tiêu chí

Nâng chất 16: Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

Nâng chất 17: Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Nâng chất 18: Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 100%.

Nâng chất 20: Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

Nâng chất 21: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Củng cố kiện toàn các chức danh cán bộ công chức xã đạt chuẩn; đào tạo nâng cao năng lực các trưởng ấp, tổ trưởng tổ nhân dân tự quản; đẩy mạnh công tác phát triển Đảng viên, có cơ chế khuyến khích con em người địa phương đã tốt nghiệp đại học về công tác tại địa phương;

- Các nội dung đã thực hiện: Xây dựng trụ sở Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã có đầy đủ các bộ phận làm việc, trong đó có bộ phận 01 cửa, nhà làm việc cho lực lượng công an, quân sự; Đầu tư trang thiết bị làm việc như bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy photo,... Bổ sung, hoàn thiện các quy chế làm việc trong bộ máy chính quyền, các đoàn thể chính trị, quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ xã, quy chế dân chủ ở các ấp; nâng cao năng lực lãnh đạo điều hành của Chi bộ và Ban Nhân dân ấp.

- Khối lượng thực hiện:

+ Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: An Hiệp là xã loại I, theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công 2 chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được bố trí tối đa 22 cán bộ, công chức (vì Trưởng Công an là công an chính quy); hiện nay xã bố trí 21 cán bộ, công chức đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 100%.

+ Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2022

+ Các tổ chức chính trị - xã hội của xã (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) đều được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên năm 2022.

+ Đảm bảo bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình; phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng, chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội:

- Xã có nữ lãnh đạo chủ chốt của xã giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, có đính kèm quyết định về việc phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Hiệp khoá XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Trên địa bàn xã có 590/1.918 thành viên là phụ nữ chiếm tỷ lệ 30,6% tham gia hợp tác xã.

- Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép hôn.

- Có 07 địa chỉ tin cậy tại 07 ấp và 01 địa chỉ tin cậy tại UBND cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng đạt tiêu chuẩn hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực.

- Xã có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em

- Xã có thành lập và kiện toàn nhóm thường trực bảo vệ trẻ em thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định.

- 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã được bảo vệ và hỗ trợ kịp thời.

- Trên địa bàn không có trẻ em bị xâm hại.

- Phối hợp cùng Đài Truyền thanh huyện tổ chức phát sóng mỗi quý 04 tin, bài về bình đẳng giới; mỗi tháng có 02 chuyên mục tuyên truyền về phòng, chống xâm hại trẻ em trên hệ thống thông tin cơ sở.

+ Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp: xã An Hiệp đã xây dựng Kế hoạch số 35a/KH-BCĐ ngày 13/4/2023 để tập huấn các văn bản hướng dẫn Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã An Hiệp. Triển khai Kế hoạch, xã đã tổ chức 08 lớp tập huấn cho 08 ấp, thu hút 412 lượt người dân và thành viên Ban phát triển các ấp tham dự.

c) Đánh giá

So với yêu cầu về nâng chất tiêu chí Hệ thống chính trị: Đạt.

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Đến nay thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã An Hiệp cơ bản hoàn thành nhóm tiêu chí nông thôn mới nâng cao không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

Thời gian tới UBND huyện sẽ chỉ đạo VPĐP huyện, Phòng, Ngành chức năng quản lý tiêu chí cấp huyện, UBND xã An Hiệp hàng năm xây dựng kế hoạch củng cố, nâng chất các tiêu chí đã đạt, đạt ở mức vừa đủ đạt như: Tiêu chí số 2 về Giao thông; Tiêu chí số 6 về Văn hóa, Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông, Tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm; Tiêu chí số 11 Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 13 Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí 15 về Hành chính công... Đồng thời tranh thủ từ các nguồn vốn chương trình, vốn lồng ghép... hỗ trợ đầu tư cho nhân dân về phát triển sản xuất, góp phần tăng thêm mức thu nhập hàng năm, không để hộ đã thoát nghèo, hộ cận nghèo lại tái nghèo trên địa bàn xã; Xây dựng kế hoạch đảm bảo An ninh trật tự - An toàn xã hội hàng năm trên địa bàn xã.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: UBND xã An Hiệp đã hoàn thành đầy đủ hồ sơ đề nghị xét,

công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định. Nội dung đảm bảo theo yêu cầu theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã An Hiệp đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí và 21 chỉ tiêu nâng chất, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Không có tình trạng nợ đọng trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã An Hiệp.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thẩm định, tham mưu trình UBND tỉnh xét công nhận xã An Hiệp đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã An Hiệp năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- BCĐ huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

